

Số: 03/2018/QĐHNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2018

V/v: “Yêu cầu công nhận thuận tình
ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Tường Vy - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hoài Minh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Ông Đặng Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số: 36/2018/QĐPH-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Anh Tạ Chí Tr – Sn: 1985

Địa chỉ: tổ 6, ấp 1, xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Hồ Thị Ngọc S – Sn: 1992

HKTT: ấp 4, xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: DT 743 A, phường T, TX. D, tỉnh Bình Dương.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Chí Tr và chị Hồ Thị Ngọc S.

- Yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn: giao cháu Tạ Hồng V – sn: 02/7/2014 và Tạ Minh A – sn: 18/7/2015 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Cấp dưỡng: chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/mỗi cháu và cấp dưỡng cho cả hai cháu.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai nhận định:

- Về quyền yêu cầu: anh Tạ Chí Tr và chị Hồ Thị Ngọc S là vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian chung sống, vợ chồng có hai con chung. Do đó, anh Tr và chị S có quyền yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Tr, chị S có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn. Một trong hai người yêu cầu là anh Tr có nơi sinh sống hiện nay tại tổ 6, ấp 1, xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của BLTTDS thì yêu cầu của anh Tr, chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Về nội dung vụ việc:

+ Về quan hệ hôn nhân: do cùng sống tại ấp 4, xã LS nên anh Tr, chị S quen biết rồi tìm hiểu nhau trong khoảng hai năm thì tiến tới hôn nhân. Cả hai đã tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã LS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2014 ngày 24/3/2014. Đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người.

Sau thời gian chung sống, giữa vợ chồng anh Tr, chị S phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn tới việc hai người thường xuyên cãi nhau, đánh nhau và ly thân hơn hai năm nay. Hiện cả hai xác định không còn tình cảm nữa và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Tr, chị S là có thật. Hai người có hành vi vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, không thể kéo dài. Yêu cầu của anh Tr, chị S là yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở nên công nhận.

+ Về con chung: vợ chồng có hai con chung là các cháu Tạ Hồng V – sn: 02/7/2014 và Tạ Minh A – sn: 18/7/2015. Từ khi ly thân các cháu sống với anh Tr.

Anh Tr và chị S thỏa thuận: giao cả hai con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị S cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/mỗi cháu và cấp dưỡng cho cả 2 cháu. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện. Mặt khác, từ khi ly thân đến nay, hai con chung do anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn giữa anh Tr và chị S.

Anh Tr và chị S không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong quá trình thi hành án nên Tòa án không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không ai có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí: ghi nhận sự tự nguyện nộp lệ phí sơ thẩm của anh Tạ Chí Tr là 300.000 đồng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Về quá trình thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ việc dân sự Tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung của anh Tr và chị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 361; Điều 363; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Chí Tr và chị Hồ Thị Ngọc S.

- Về con chung: công nhận sự thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn giữa anh Tr và chị S như sau: giao hai cháu Tạ Hồng V – sn: 02/7/2014 và Tạ Minh A – sn: 18/7/2015 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/mỗi cháu và cấp dưỡng cho cả hai cháu.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình phải nộp: anh Tr nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh Tr đã nộp tại biên lai thu tiền số 004289 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc hôn nhân gia đình có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã LS;
- Lưu án văn;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Tường Vy